

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHOÁ XI, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 5427/TTr-UBND ngày 24/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể:

1. Đối tượng thu, nộp phí:

a) Người nộp phí: Là tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc cần phải thẩm định theo quy định.

b) Cơ quan, đơn vị thu phí: Văn phòng đăng ký đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Mức thu phí:

Mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quy định tại biểu mức thu phí (kèm theo).

3. Chế độ miễn, giảm:

Miễn, giảm phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đối tượng sau:

a) Miễn 100% phí thẩm định cho đối tượng là người tham gia cách mạng trước năm 1945, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, anh hùng lao động; thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh bị mất sức lao động từ 81% trở lên; thân nhân liệt sỹ đang hưởng tiền tuất nuôi dưỡng hàng tháng; hộ thuộc diện nghèo (hộ nghèo được xác định theo quy định của Chính phủ); hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Giảm 50% phí thẩm định cho các đối tượng là gia đình người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi đối với người có công cách mạng (trừ đối tượng được quy định tại điểm a, nêu trên).

4. Quản lý, sử dụng và kê khai, nộp phí:

Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý và sử dụng như sau:

a) Văn phòng đăng ký đất đai được trích để lại 70% (bảy mươi phần trăm) trên tổng số tiền thu phí để trang trải chi phí phục vụ công việc thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã được trích để lại 25% (hai mươi lăm phần trăm) trên tổng số tiền thu phí để trang trải chi phí phục vụ công việc thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ.

c) Tổng số tiền phí thu được, sau khi trừ số tiền được trích theo tỷ lệ % quy định trên, số còn lại cơ quan, đơn vị thu phí phải nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

d) Định kỳ ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí thu được vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

e) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

f) Chứng từ thu phí thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn về in, phát hành quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế nội dung quy định về phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai tại Nghị quyết số 37/2006/NQ-HĐND ngày 08/12/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa IX, Kỳ họp thứ 9 về việc thông qua chế độ thu, nộp các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 12/2007/NQ-HĐND ngày 24/9/2007 của Hội đồng nhân dân khóa IX, Kỳ họp thứ 11 về việc thông qua tỷ lệ trích để lại đối với các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân và Nghị quyết số

26/2009/NQ-HĐND ngày 09/12/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá IX, Kỳ họp thứ 19 về việc bổ sung đối tượng miễn thu, không thu phí thăm định quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá XI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. 

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- VP Quốc hội; VPCP;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh; UBNDTTQVN tỉnh;
- Các VP : Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh và UBND tỉnh (đăng công báo);
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, TNMT;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ và CV Phòng Tổng hợp;
- Báo GL; Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.



CHỦ TỊCH

Dương Văn Trang



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIỂU MỨC THU
PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/hồ sơ

Số thứ tự	Đối tượng/Nội dung công việc	Mức thu phí		Trong đó			
				Đối với công việc do cấp xã đảm nhận		Đối với công việc do Văn phòng Đăng ký đất đai đảm nhận	
		Tại các phường, thị trấn	Tại nông thôn	Tại các phường, thị trấn	Tại nông thôn	Tại các phường, thị trấn	Tại nông thôn
1	Tổ chức						
	- Hồ sơ có diện tích dưới 1000 m ²	1.950	1.300	650	650	1.300	650
	- Hồ sơ có diện tích từ 1.000 m ² trở lên	3.250	1.950	1300	650	1.950	1.300
2	Cá nhân, hộ gia đình						
a	Các trường hợp đăng ký xin cấp giấy CNQSDĐ theo quy định tại Điều 100, 101 Luật Đất đai năm 2013, có diện tích đo đạc:						
	- Hồ sơ có diện tích dưới 500 m ²	650	460	200	130	450	330
	- Hồ sơ có diện tích từ 500 m ² đến dưới 1.000 m ²	680	490	200	130	480	360
	- Hồ sơ có diện tích từ 1.000 m ² đến dưới 3.000 m ²	750	550	200	130	550	420
	- Hồ sơ có diện tích từ 3.000 m ² đến dưới 5.000 m ²	810	620	200	130	610	490
	- Hồ sơ có diện tích từ 5.000 m ² đến dưới 10.000 m ²	880	680	200	130	680	550
	- Hồ sơ có diện tích từ 10.000 m ² (1 ha) trở lên	1.110	780	200	130	910	650
	* Riêng đối với hồ sơ đăng xin cấp giấy CNQSDĐ của người được cơ quan có thẩm quyền giao đất, được phép chuyển mục đích sử dụng đất, mua nhà thuộc sở hữu nhà nước mức thu phí thẩm định bằng 50% mức quy định trên đây.						
b	Các trường hợp khác	390	260	130	60	260	200